TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:160/2023/HS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST - HS ngày 27/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Xuân L** (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1985, tại: Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4 (nay là thôn Đồng Trăn 3), xã D Đ, huyện D K, tỉnh Khánh Hoà; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện tại: xã H A, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Đầu bếp; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1959 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; họ và tên chồng: Lê Ngọc G (không đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 người con; sinh năm 2003; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Hiện đang trú tại: xã H A, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- *Người bị hại*:

1/ Bà Phạm Hồng K, sinh năm 1984;

2/ Ông Hoàng Công T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: số 5/41, đường H H T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Bà K có mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 05/2022, Nguyễn Thị Xuân L từ huyện D K, tỉnh Khánh Hòa lên Đ làm đầu bếp và ở nhờ nhà vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Phạm Hồng K ở số 5/41 H H T, Phường C, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống L biết vợ chồng bà K có 02 con heo đất đựng tiền tiết kiệm cất trong tủ quần áo và biết vị trí bà K để chìa khóa. Đến đầu tháng 7/2022, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên L nảy sinh ý định lấy trộm số tiền tiết kiệm của vợ chồng bà K. Thực hiện ý định, L dùng một cây kim loại lấy được ở trước hiên nhà để trộm cắp tiền trong heo đất của vợ chồng bà K qua khe hở đút tiền của con heo đất. Từ tháng 7/2022 đến ngày 16/12/2022, L đã 09 lần trộm cắp tiền của bà K, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào một ngày khoảng đầu tháng 07/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ hai: Vào một ngày khoảng đầu tháng 08/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ ba: Vào một ngày khoảng giữa tháng 08/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ tư: Vào một ngày khoảng đầu tháng 09/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ năm: Vào một ngày khoảng tháng 10/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ sáu: Vào một ngày khoảng đầu tháng 11/2022, sau khi dùng chìa khóa mở hộc tủ, L thấy một hộp nhựa màu đỏ nên mở ra thì phát hiện bên trong có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có mặt trái tim

bằng kim loại màu vàng và 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng nên L đã lấy trộm tất cả số trang sức trên đem ra chợ Đà Lạt cầm cố cho một người phụ nữ bán rau (không rõ nhân thân, lai lịch) được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này. Sau đó, L đã chuộc lại số trang sức này để giao nộp lại cho cơ quan công an.

Lần thứ bảy: trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ tám: Vào khoảng khoảng 07 giờ ngày 10/12/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ rồi dùng một cây kim loại để moi tiền qua khe hở đút tiền trong 02 con heo đất của ông T bà K lấy trộm được tổng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ chín: Vào khoảng khoảng 07 giờ ngày 16/12/2022, trong lúc vợ chồng bà K đi làm, L ở nhà lấy chìa khóa mở cửa tủ thì thấy bên trong có một cuốn sổ kẹp nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi đếm được tổng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), L lấy trộm số tiền này bỏ vào túi rồi đi làm. Sau đó, L đã tiêu xài hết 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền còn lại L làm rớt ở đâu không rõ. (BL: 56-71b, 88-108)

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn có đính hạt màu trắng, trên nhẫn có ký hiệu "PPJ P610 0.5";

- 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có ký hiệu "TM610";

- 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có đính hạt màu trắng, trên mặt dây chuyền có ký hiệu "2 PPH".

Bị hại: Bà Phạm Hồng K, sinh năm: 1984 và ông Hoàng Công T, sinh năm: 1991, cùng trú tại: 5/41 H H T, Phường C, Đ, bị trộm cắp số tài sản gồm:

- 45.000.000 đồng tiền Việt Nam;

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn có đính hạt màu trắng, trên nhẫn có ký hiệu "PPJ P610 0.5";

- 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có ký hiệu "TM610";

- 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có đính hạt màu trắng, trên mặt dây chuyền có ký hiệu "2 PPH".

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 224/KL-ĐG ngày 09/3/2023 và số 48/KL-HĐĐG ngày 12/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình

sự thành phố Đà Lạt, kết luận: 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (có ký hiệu "PPJ P610 0.5"), trên mặt nhẫn có đính hạt màu trắng, tổng khối lượng: 1,3993g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 62,06% có giá trị là: 1.184.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có ký hiệu "TM610", tổng khối lượng: 4,0260 g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 61,83 có giá trị là: 3.424.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng); 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có đính hạt màu trắng, trên mặt dây chuyền có ký hiệu "2 PPH", tổng khối lượng: 0,7438g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 61,69% có giá trị là: 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).(BL:26-40)

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị Xuân L trộm cắp của vợ chồng bà Phạm Hồng K, ông Hoàng Công T là: **50.248.000 đồng** *(Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng).*

Hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại tất cả số trang sức trên cho bà K, bà K đã nhận lại số tài sản trên. Bị cáo Nguyễn Thị Xuân L đã bồi thường số tiền 33.000.000 đồng cho bà K, bà K đã nhận số tiền trên, tiếp tục yêu cầu L bồi thường thêm 12.000.000 đồng.(BL:41-43)

Tại bản cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 13/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Xuân L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Xuân L khai nhận, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo L nảy sinh ý định lấy trộm số tiền tiết kiệm của vợ chồng bà K. Từ tháng 7/2022 đến ngày 16/12/2022, Nguyễn Thị Xuân L đã 09 lần trộm cắp tiền và trang sức vàng của vợ chồng bà Phạm Hồng K, ông Hoàng Công T là: 50.248.000 đồng *(Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng)* như cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác, bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì đối với cáo trạng truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Xuân L về tội *"Trộm cắp tài sản"* và đề nghị áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân L từ 36 đến 42 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong về vật chứng của vụ án nên đề nghị không đặt ra để giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan điều tra đã trả lại tất cả số trang sức trên cho bà K, bà K đã nhận lại số tài sản trên. Tại phiên toà người bị hại bà Phạm Hồng K yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số

tiền 7.000.000 đồng vì ngày 09/8/2023 bị cáo đã chủ động bồi thường cho bà K và ông T số tiền 5.000.000đ. Vì vậy, đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho ông T bà K theo quy định.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bị hại: Bà Phạm Hồng K yêu cầu bị cáo bồi thường cho vợ chồng bà số tiền 7.000.000đ.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo đã ăn năn hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Xuân L:* Là người từ Khánh Hoà lên Đ, tỉnh Lâm Đồng để làm đầu bếp và ở nhờ nhà vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Phạm Hồng K ở số 5/41 H H T, Phường C, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống L biết vợ chồng bà K có 02 con heo đất đựng tiền tiết kiệm cất trong tủ quần áo và biết vị trí bà K để chìa khóa. Đến đầu tháng 7/2022, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên L nảy sinh ý định lấy trộm số tiền tiết kiệm của vợ chồng bà K. Thực hiện ý định, bị cáo L dùng một cây kim loại lấy được ở trước hiên nhà để trộm cắp tiền trong heo đất của vợ chồng bà K qua khe hở đút tiền của con heo đất. Từ tháng 7/2022 đến ngày 16/12/2022, L đã 09 lần trộm cắp tiền của bà K, ông T gồm tiền mặt 45.000.000 đồng tiền Việt Nam và 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn có đính hạt màu trắng, trên nhẫn có ký hiệu "PPJ P610 0.5"; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có ký hiệu "TM610"; 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có đính hạt màu trắng, trên mặt dây chuyền có ký hiệu "2 PPH". Tổng giá trị tài sản Ly trộm cắp là **50.248.000 đồng**. *(Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng).*

Tại kết luận định giá tài sản số 224/KL-KTHS ngày 09/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng và số 48/KL-HĐĐG ngày 12/4/2023

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt, kết luận: 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (có ký hiệu "PPJ P610 0.5"), trên mặt nhẫn có đính hạt màu trắng, tổng khối lượng: 1,3993g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 62,06% có giá trị là: 1.184.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có ký hiệu "TM610", tổng khối lượng: 4,0260 g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 61,83 có giá trị là: 3.424.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng); 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có đính hạt màu trắng, trên mặt dây chuyền có ký hiệu "2 PPH", tổng khối lượng: 0,7438 g, có chứa thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng: 61,69% có giá trị là: 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

[3] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Xuân L là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rất rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm thỏa mãn cho nhu cầu tiêu xài của cá nhân. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, từ tháng 7/2022 đến ngày 16/12/2022, bị cáo L đã 09 lần trộm cắp tiền và tranh sức vàng của vợ chồng bà K. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người bị hại tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của Nguyễn Thị Xuân L phạm về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 13/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 09 lần, tài sản chiếm đoạt được của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Khi quyết định hình phạt có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội khi đang mang thai nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm nên áp dụng điểm điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện một cách liều lĩnh, táo bạo, là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng xấu đến môi trường du lịch ở địa phương. Xét tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này còn có người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) mà Nguyễn Thị Xuân L cầm cố số trang sức trộm cắp được, L không nói cho người này biết nguồn gốc số trang sức này do L phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan điều tra thu giữ một phần và đã trả cho người bị hại, tại phiên toà người bị hại là bà Phạm Hồng K yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 7.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền theo yêu cầu nên ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho bà K, ông T số tiền 7.000.000đ là phù hợp.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra đã xử lý xong về vật chứng của vụ án nên đề nghị không đặt ra để giải quyết.

[8] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân L phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân L **36** *(Ba mươi sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 12/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân L phải bồi thường vợ chồng bà Phạm Hồng K, ông Hoàng Công T số tiền 7.000.000đ. *(Bảy triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Xuân L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Công an tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà